

Bản án số: 413 / 2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 10 - 2018

V/v: Ly hôn giữa
chị M và anh L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Văn On.

Các Hội thẩm nhân dân dân:

Ông Nguyễn Thanh Tuấn

Bà Trần Thị Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Công Minh là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Đặng Tấn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2018/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018, về tranh chấp “ Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:387/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị M, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 6, ấp 4, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang
(có mặt)

- Bị đơn: Anh Đoàn Văn L, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 6, ấp 4, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Huỳnh Thị M trình bày: Hôn nhân giữa tôi và anh Đoàn Văn L tự tìm hiểu, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn trễ hạn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu theo quy định của pháp luật. Cuộc sống chung vợ chồng có hạnh phúc được đến tháng 05 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không hiểu nhau, không hợp nhau nên cuộc sống không có hạnh phúc, chính vì vậy mà vợ chồng ly thân từ tháng 05 năm 2017 cho đến nay, tôi nhận thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn cuộc sống vợ chồng. Về con chung có 02 con tên Đoàn Văn Lớn, sinh ngày 06/6/2000 (trưởng thành) và Đoàn Thị Kiều Oanh, sinh ngày 10/9/2006 hiện đang sống với mẹ. Về tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ. Tôi yêu cầu xin ly hôn với anh

Đoàn Văn L, con chung yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh L phải đóng góp nuôi con, tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ.

Bị đơn anh Đoàn Văn L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để ghi nhận lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Sơn vẫn vắng mặt không lý do nên không ghi nhận ý kiến được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật về thủ tục theo quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến khi giải quyết vụ án. Đối với các đương sự thì thực hiện đúng theo quy định tại các điều 70- 71- 72- 73 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Huỳnh Thị M và anh Đoàn Văn L tự tìm hiểu, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn trễ hạn năm 2005. Cuộc sống chung vợ chồng có hạnh phúc được đến tháng 05 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do không hiểu nhau, không hợp nhau và ly thân năm 2017. Về con chung có 02 con chung hiện đang sống với mẹ. Về tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ. Chị M yêu cầu xin ly hôn với anh L. Về con chung chị M yêu cầu xin được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh L phải đóng góp nuôi con. Về tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ.

Bị đơn anh Đoàn Văn L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để ghi nhận lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do nên không ghi nhận ý kiến được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định vụ án như sau: Hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị M và anh Đoàn Văn L có đăng ký kết hôn trễ hạn năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, phiên tòa tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp “ Ly hôn ” giữa chị Huỳnh Thị M và anh Đoàn Văn L được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Chị Huỳnh Thị M yêu cầu xin ly hôn với anh Đoàn Văn L. Về con chung có 02 con chung trong đó có 01 con đã trưởng thành và hiện 02 con đang sống với mẹ và chị M không yêu cầu anh L phải đóng góp nuôi con. Về tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ.

[4] Anh Đoàn Văn L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để ghi nhận lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Sơn vẫn vắng mặt không lý do nên không ghi nhận ý kiến được.

[5] Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo nghi thức quy định tại Điều 14 của Luật này.

- Khoản 1 Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

- Khoản 1 Điều 89 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Tòa án xem xét yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì Tòa án quyết định cho ly hôn.

- Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Sau khi ly hôn, vợ, chồng vẫn có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; chia tài sản sau khi ly hôn.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị M và anh Đoàn Văn L.

Về nuôi con chung: Chị Huỳnh Thị M được tiếp tục nuôi 01 con chung tên Đoàn Thị Kiều Oanh, sinh ngày 10/9/2006, hiện đang sống với mẹ và chị M không yêu cầu anh L phải đóng góp nuôi con.

Về chia tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ.

Về án phí: Chị Huỳnh Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện kiểm sát là có cơ sở xem xét và phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản Quy phạm pháp luật khác có liên quan.

[7] Hội đồng xét xử xét nhận thấy: Hôn nhân của chị Huỳnh Thị M và anh Đoàn Văn L, sau khi Tòa án khi thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh L nhiều lần để ghi nhận lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do nên không ghi nhận ý kiến được. Ngày 12/6/2018 Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của anh Đoàn Văn L được anh Phan Văn Sĩ là Công an viên phụ trách ấp 4, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu cung cấp đương sự Đoàn Văn L, sinh năm 1983, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 6, ấp 4, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang, hiện nay đương sự Đoàn Văn L không có mặt tại địa phương. Ngày 12/6/2018 Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của anh Đoàn Văn L được anh Lâm Văn Tùng là trưởng Ban nhân dân ấp 4, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu cung cấp khi vợ chồng M - L còn chung sống với nhau có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp 4, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, quá trình chung sống của vợ chồng M-L tại địa phương có nhiều mâu thuẫn cụ thể: Từ khi vợ chồng trúng số thì cuộc sống vợ chồng có nhiều ý kiến bất hòa nhau, anh L tham gia tệ nạn xã hội dẫn đến bán tài sản của gia đình, đánh đập vợ con. Chị M và anh L chung sống có hạnh phúc một thời gian dài và phát sinh mâu thuẫn từ tháng 05 năm 2017 cho đến nay nhưng vợ chồng không tự hòa giải để hàn gắn cuộc sống vợ chồng, mà diễn biến

mâu thuẫn ngày một gay gắt, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nghĩ nên cho chị Huỳnh Thị M và anh Đoàn Văn L ly hôn là phù hợp. Về con chung có 02 con tên Đoàn Văn Lớn, sinh ngày 06/6/2000 (trưởng thành) và Đoàn Thị Kiều Oanh, sinh ngày 10/9/2006, hiện 02 con đang sống với mẹ, chị M có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh L phải có nghĩa vụ đóng góp nuôi con nên hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết. Về tài sản chung không có, về nợ chung không có nợ.

[8] *Về án phí*: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Huỳnh Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0004505 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 11 - 85 - 89 - 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, khoản 1 Điều 28 khoản 1 Điều 147 khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 điểm Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

- Cho ly hôn giữa chị Huỳnh Thị M và anh Đoàn Văn L.

2. Về nuôi con chung:

- Chị Huỳnh Thị M được tiếp tục nuôi 01 con chung tên Đoàn Thị Kiều Oanh, sinh ngày 10/9/2006 và chị M không yêu cầu anh L phải đóng góp nuôi con.

3. Về chia tài sản:

- Không có.

+ Về nợ chung không có nợ.

4. Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị Huỳnh Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: 0004505 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh;
- VKSND thị xã;
- THADS thị xã
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu hồ sơ;
- Lưu: VP.

Đào Văn On